

Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thế giới vài năm trước mắt
Vũ Quang Việt

Chiến tranh Mỹ chiếm đóng Iraq kết thúc nhanh chóng làm các nhà kinh tế thờ phào. Giá dầu trở lại mức bình thường, nền kinh tế thế giới đã không phải trải qua cuộc khủng hoảng. Tuy vậy nhìn về tương lai, kinh tế vẫn không mấy sáng sủa. Tháng tư vừa qua, tổ chức OECD của các nước phát triển cao tiên đoán vào năm 2004 kinh tế Mỹ sẽ đạt tốc độ tăng 4%, kinh tế khu Euro 2,4% và Nhật là 1,1%. Cùng thời gian này IMF dè dặt hơn một chút xíu, tiên đoán kinh tế Mỹ tăng 3,9%, khối Euro 2,3% và Nhật 1%. Dự luận chung của các nhà kinh tế ở Mỹ là kinh tế Mỹ sẽ tăng, nhưng thấp hơn, khoảng 3,2%. Thế nhưng vào cuối tháng 5 này, tình hình kinh tế thế giới tỏ vẻ yếu kém hơn, đặc biệt là ở các nước phát triển. Quý đầu năm 2003, kinh tế Mỹ chậm lại. Âu châu coi như không tăng, thậm chí kinh tế một số nước châu Âu suy thoái. Hoà Lan giảm 1,2%, Đức giảm 0,9%, Ý giảm 0,4%, Đan Mạch giảm 0,1%, Pháp chỉ tăng 0,3%.

Khả năng lớn là kinh tế Mỹ tăng 2.5% năm 2003 và có thể không hơn 3% năm 2004. Kinh tế Nhật tất nhiên tiếp tục khó khăn, khả năng đạt 1% là cao. Tình hình như trên cho thấy các nước Đông Nam Á cũng sẽ gặp khó khăn vì phải dựa vào xuất khẩu sang các nước đang phát triển cao. Như bảng sau cho thấy thị trường các nước phát triển là rất lớn. Chỉ riêng thị trường Pháp, tính theo GDP là 4,1% cũng lớn hơn thị trường Trung Quốc là 3,4%. Và lại thị trường Pháp là thị trường tiêu thụ hàng nhập, ngược lại Trung Quốc phải dựa vào thị trường nước khác.

	Tỷ trọng GDP thế giới năm 2000	Tốc độ tăng GDP năm 2002	Tốc độ tăng GDP quý I năm 2003
Kinh tế thế giới	100,0%	3,0	
1. Các nước phát triển cao	76,4	1,8	
Mỹ	31,2	2,4	1,9
Nhật	15,1	0,3	0,0
Tây Âu	26,3	0,9	0,0
Đức	5,9	0,2	-0,9
Anh	4,5	1,6	0,0
Pháp	4,1	1,2	0,3
2. Các nước đang phát triển	23,6	4,6	
Đông và Nam Á trừ Nhật	9,4		
Trung Quốc	3,4	8,0	7,0
Nam Triều Tiên	1,5	6,1	
Ấn Độ	1,5	4,9	2,6
Asean	1,9	4,2	
Đông Âu	1,2	2,9	
Liên bang Nga	1,2	4,3	
Trung Đông	3,5	4,5	
Nam Mỹ	6,6	-0,1	
Phi châu	1,7	3,4	

Nguồn: Liên Hợp Quốc, Eustat, UK

Đồng Mỹ hiện nay giảm giá so với đồng Euro (hơn 14% năm qua) và còn có khả năng giảm giá nữa nếu như thiếu hụt cán cân thanh toán của Mỹ tiếp tục cao. Mức thiếu hụt

này ở mức báo động kể từ năm 1999. Mức thiếu hụt này lên đến 3,9% GDP năm 2001, 4,8% năm 2002 và hiện nay ở mức trên 5%. Nếu như đồng USD không phải là đồng tiền mọi nước sẵn sàng dùng làm phương tiện để dành thì kinh tế Mỹ đã khủng hoảng trầm trọng. Việc mất giá của đồng USD có hy vọng đưa xuất khẩu của Mỹ tăng hơn và nhập khẩu giảm. Giảm nhập, hoặc mức tăng nhập thấp xuống của Mỹ sẽ làm nền kinh tế các nước châu Âu đang khó khăn sẽ khó khăn hơn. Nhưng việc Mỹ để đồng USD tiếp tục giảm giá nhằm giải quyết kinh tế của mình sẽ gây căng thẳng với các nước phát triển khác vì sẽ gây trì trệ trong phát triển ở các nước này do khả năng xuất khẩu vào Mỹ giảm. Hơn nữa, chiến lược giảm giá đồng USD không phải không có nhược điểm. Nó có khả năng chuyển chiều đầu tư vào Mỹ mà hiện nay đang cân đến tư bản nước ngoài.

Kinh tế Mỹ, đầu tàu nền kinh tế thế giới, chiếm 31% GDP thế giới, nói chung vẫn chưa hẳn qua khỏi ảnh hưởng của suy thoái trên thị trường chứng khoán và thị trường công nghệ thông tin, đặc biệt ngành điện thoại. Như đã nói, Mỹ thiếu hụt cán cân thanh toán ở mức báo động trên 5%, thiếu hụt ngân sách ở mức 4,6% GDP. Mới đây Bush giảm thuế \$350 tỷ trong vòng 10 năm, đưa khả năng thiếu hụt ngân sách kéo dài trong tương lai dù nền kinh tế có tăng trưởng cao hơn. Việc giảm thuế Liên bang, đưa đến việc giảm khả năng cứu trợ thiếu hụt ngân sách tiểu bang và thành phố. Ngân sách các tiểu bang hiện nay ở mức thiếu hụt từ 10-25% tổng ngân sách. Chi tiêu ở địa phương đang phải giảm và đóng góp thuế và phí kể cả giáo dục sẽ phải tăng. Nói chung Bush hy vọng cắt giảm thuế cho người giàu sẽ đẩy mạnh đầu tư và phát triển. Kinh tế tăng nhanh đưa đến thuế thu nhiều hơn và đưa đến cân bằng ngân sách. Cùng lý luận này được đem ra áp dụng thời Reagan, đưa đến tăng thiếu hụt thay vì giảm. Kinh tế Mỹ phát triển mạnh thời 8 năm Clinton là vì ảnh hưởng của các chính sách xóa bỏ độc quyền, kiểm soát giá, tạo cạnh tranh của nhà nước trong hàng loạt các hoạt động như chuyên chở, bưu điện, điện thoại, thông tin, v.v. và đầu tư đổ dồn vào công nghệ thông tin chứ không vì chính sách thuế.

Một lý do mà kinh tế Mỹ không suy thoái trầm trọng trong thời gian qua là sức tiêu thụ của dân chúng vẫn tăng, trong khi đầu tư của các công ty giảm giảm. Mức tiêu thụ tiếp tục tăng, dù ở mức thấp hơn, một phần lớn là do lãi suất rất thấp so với lịch sử lãi suất hàng vài chục năm nay. Lãi suất thấp khuyến khích tiêu thụ vì người Mỹ thường chi tiêu vào các món hàng lâu bền, lớn tiền thông qua tín dụng. Nhưng đây lại là mối lo cho tương lai kinh tế Mỹ: thiếu hụt ngân sách đòi hỏi nhà nước phát hành trái phiếu nên tạo áp lực tăng cầu trên thị trường tín dụng. Hiện nay Ngân hàng Dự trữ Liên bang sẵn sàng mua để kìm lãi suất. Nhưng không thể tiếp tục như thế mãi vì việc bơm tiền ra mãi ở mức cao sẽ gây lạm phát. Đồng thời nó giảm khả năng đáp ứng nhu cầu tín dụng của khu vực tư nhân. Khi lãi suất bị đẩy lên cao hơn, sức mua nhà cửa sẽ bị giảm, khả năng suy thoái về giá trị nhà, nguồn để dành và đầu tư lớn nhất của đại đa số gia đình Mỹ sẽ khó tránh khỏi. Điều này sẽ có ảnh hưởng lớn hơn nhiều đối với sức tiêu thụ của dân chúng so với suy thoái của thị trường chứng khoán. Giá nhà giảm một nửa là hoàn toàn có khả năng vì giá cả của thị trường địa ốc đã lên rất cao trong 5 năm qua, chẳng khác gì giá thị trường chứng khoán, nhưng cho đến giờ vẫn chưa được điều chỉnh. Các nhà kinh tế Mỹ, kể cả Thống đốc Ngân hàng Dự trữ Liên Bang cũng đã cảnh báo về khả năng giảm phát này.

Tuy nhiên cũng có tín hiệu tốt về phát triển. Trở lại nguồn gốc của suy thoái vừa qua, tức là thị trường công nghệ thông tin trong đó có công nghệ điện thoại và máy tính. Sự quá

đà trong đánh giá kiểu đàn lữ đã làm thị trường này lên giá vùn vụt. Các nhà quảng cáo tài chính, nhằm quyến rũ đầu tư vào cổ phiếu công nghệ thông tin, đã tiên đoán là doanh thu điện thoại tăng 20% một năm Thực tế nó tăng trung bình năm 7,2% trong thời gian 1996-2001, chỉ đạt 1,6% năm 2001, và không tăng năm 2002, mặc dù là lượng sử dụng internet tăng gấp đôi mỗi năm. Do quá hồ hởi như vậy, các công ty vay mượn nhằm mua lẫn nhau, làm đẩy giá thị trường cũng như gian dối. Kết quả là hàng loạt công ty phá sản trong đó có 15 công ty lớn như Worldcom (tài sản 104 tỷ), Global Crossing (tài sản 31 tỷ), Adelphi (tài sản 22 tỷ). Tổng số trái phiếu (bonds) mất do phá sản là 163 tỷ. Đầu tư vào thị trường thông tin giảm hẳn trên toàn thế giới; ở các nước phát triển OECD, đầu tư năm 2000 là 230 tỷ thì năm 2002 chỉ có 90 tỷ. Công nghệ máy tính cũng giảm. Á châu đặc biệt là Đài Loan, Mã Lai, Singapore là nguồn cung cấp vi mạch cho Mỹ và các nước khác do đó bị ảnh hưởng trầm trọng. Bỗng chốc không còn thấy báo chí nói về "nền kinh tế mới". Khủng hoảng đưa đến việc sắp xếp lại doanh nghiệp và tạo đà phát triển trong tương lai. Đầu năm 2003, ở Mỹ dấu hiệu tăng đầu tư đã có nhưng vẫn còn yếu. Ngoài ra, do nắm được Iraq, đe dọa về giá dầu lửa cao sẽ không còn trong tương lai. Do đó khả năng đạt tốc độ phát triển ở Mỹ 3% năm 2004 là cao và nền kinh tế thế giới nói chung dù không lấy gì làm phấn khởi lắm cũng không tệ đi nếu như cuộc giảm phát giá nhà không xảy ra hoặc xảy ra. Châu Âu sẽ tiếp tục khó khăn hơn Mỹ nhưng sẽ đỡ khó khăn hơn nếu kinh tế Mỹ mạnh lên.

Khu vực các nước Đông Nam Á sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong những năm tới. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Á châu đã có tăng vào năm 2002 nhưng vẫn còn thấp so với thời cao điểm 1996-1999. Và đầu tư này chủ yếu tập trung vào Trung Quốc. Việt Nam đạt tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao năm 2002 (7%) là do chính sách tăng cầu nội địa, nhất là đầu tư, sẽ tiếp tục không có hy vọng thu hút nhiều đầu tư nước ngoài như thời trước năm 1997. Tăng cầu tất nhiên cũng có giá của nó; đó là thiếu hụt cán cân thanh toán và ngân sách lên đến mức báo động, do đó không thể kéo dài. Giá dầu có thể giảm xuống khoảng \$20 một thùng, do đó sẽ ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, hiện nay đã ở mức cao là 5%. Khả năng xâm nhập vào thị trường Mỹ nói chung là khó khăn. Khó khăn này không phải do Việt Nam không có hàng xuất khẩu vào Mỹ mà do các nhóm quyền lợi ở Mỹ gây ảnh hưởng chính trị đối với chính phủ Bush nhằm bảo vệ thị trường. Các tiểu bang có nuôi cá trê và tôm sẽ nhằm bảo vệ cá tôm, công đoàn sản xuất hàng may mặc sẽ bảo vệ hàng may mặc. Do các áp lực trên, Bộ Thương Mại Mỹ đã quyết định quota hàng may mặc ở mức thấp là 1,65 tỷ năm 2003 và chỉ tăng 7% một năm. Họ cũng ra quyết định hành chính cho là nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế "phi thị trường". Một quyết định hành chính nhằm lấy phiếu trong cuộc bầu cử tới. Ta cần biết là, đã bị coi là phi thị trường thì hệ quả đương nhiên về nguyên tắc là giá cả ở Việt Nam không tự do, ngầm hiểu là do nhà nước áp đặt, do vậy, mọi hàng hóa đều có thể bị Mỹ coi là "phá giá" dù không ai ở Việt Nam định ra giá này cả. Nói tóm lại, Việt Nam sẽ tiếp tục gặp khó khăn với các áp lực bảo vệ thị trường này. Lực lượng chính trị chống Việt Nam về tôn giáo và nhân quyền sẽ kết hợp với lực lượng bảo vệ thị trường có khả năng làm khó khăn hơn quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Mỹ, nhất là trong hai năm tới, trước cuộc bầu cử Tổng Thống. Những khó khăn chỉ có thể giảm bớt nếu như quan hệ thương mại Việt Mỹ được giải quyết theo luật, tức là trên cơ sở Hiệp định Việt Mỹ đã ký thay vì trên cơ sở quyết định hành chính tùy tiện của Bộ Thương Mại Mỹ hoặc là Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương Mại Quốc tế (WTO).

Nói chung kinh tế Việt Nam chưa có gì khởi sắc để làm các nhà đầu tư nước ngoài chú ý. Việt Nam cần làm gì?

Thứ nhất là nên học bài học xử lý bệnh SARS trong hoạt động kinh tế. Hợp tác quốc tế, đồng thời minh bạch thông tin vừa qua đã giúp gây uy tín rất lớn cho Việt Nam một cách "bất ngờ" vì từ trước đến nay người ta luôn luôn hoài nghi về thông tin của nhà nước Việt Nam đưa ra. Nên theo hướng đó để công bố minh bạch các thông tin kinh tế, trong đó có thông tin về ngân hàng và thanh toán quốc tế. Thật ngạc nhiên là trong kỳ họp quốc hội vừa qua, hình như không có đại biểu nào đặt câu hỏi về tỷ lệ về nợ xấu mà Thống đốc Ngân hàng NN báo cáo đã giảm từ 14% xuống 7%. Bản báo cáo của Ngân hàng Thế giới (Vietnam Banking Review, tháng 6, 2002, www.worldbank.org.vn, mục 73 và 119) tỏ ra bi quan hơn nhiều về hoạt động ngân hàng. Họ cho rằng NHNN vẫn không theo chuẩn hạch toán quốc tế IAS, không kiểm toán mọi ngân hàng, chỉ xếp một phần không trả được vào nợ xấu, và thiếu các chuẩn mực khác đến mức nhóm kiểm toán quốc tế được thuê kiểm toán không thể thực hiện được nhiệm vụ. Cũng mới đây các cán bộ Việt Nam ở nước ngoài được lệnh kêu gọi người nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán ở trong nước. Chương trình này sẽ không thể khởi động được chừng nào thông tin về hoạt động tài chính của các công ty đã có sẵn trên thị trường không được công bố hàng quý và hàng năm. Cho đến nay chưa thấy các thông tin này được in thường xuyên trên Thời Báo Kinh tế Sài Gòn: một điều bình thường ở các nước khác. Cái thấy được là thông tin về công ty Bibica khai lỗ thành lời.

Thứ hai là cần nhìn lại chính sách về tỷ giá hối đoái, đồng VN cao giá so với đồng Mỹ, do đó có tính khuyến khích nhập khẩu hơn xuất khẩu. Chính vì thế mỗi khi kinh tế chuyển phát triển ở mức cao hơn là thiếu hụt cán cân thanh toán trở nên trầm trọng. Năm 2002, mức thiếu hụt cán cân thương mại đã trở lại thời trước 1996, lên tới \$US 2 tỷ, trên 16% xuất. Riêng năm tháng đầu năm 2003, thiếu hụt trong cán cân thương mại đã lên trên 2 tỷ. Đây là một tỷ lệ không thể kéo dài nếu như Việt Nam không muốn rơi vào hố nợ nước ngoài và mất khả năng chi trả.

Thứ ba là nên xét lại và theo dõi chặt chẽ chính sách bơm tiền (cho quốc doanh là 50% và không biết là bao nhiêu cho các doanh nghiệp có phần hùn lớn của quốc doanh) nhằm chạy theo tốc độ tăng GDP cao. Tình trạng không minh bạch về thông tin sẽ làm cho việc theo dõi chính sách tiền tệ và tài chính khó khăn, đặc biệt liên hệ tới việc phân tích hiệu quả tiền vay cho nơi được vay, mục đích cho vay. Theo Thông tấn xã Việt Nam (9/6/2003), tốc độ tăng tín dụng năm 2002 là 31%, và có khả năng vượt 34% năm 2003 trong khi nền kinh tế chỉ tăng 7%. Vấn đề đáng ngại không phải là việc tăng tín dụng khi nền kinh tế có khả năng phát triển mạnh do thị trường Mỹ mở rộng cho hàng Việt Nam, nhưng là đáng ngại khi ngân hàng quốc doanh đã than phiền là họ bị ép buộc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước. Chương trình giải quyết nợ của IMF và World Bank đối với Việt Nam đã giải quyết 11 ngàn tỷ trong số 23 ngàn tỷ nợ xấu. Tình hình cho vay như hiện nay có khả năng đẩy mạnh số nợ xấu trong tương lai và tạo ra những công trình xây dựng không đạt tiêu chuẩn. Chỉ riêng chương trình xây nhà máy đường, với giá thành sản phẩm gấp đôi giá đường thế giới đã là nguồn gốc gây ra 3,8 ngàn tỷ nợ xấu. Đẩy mạnh tín dụng kích cầu cũng đồng thời tạo ra thiếu hụt cán cân

thương mại với nước ngoài khi đồng Việt Nam được giữ giá cao như đã nói ở trên và khi nhập khẩu tạo cơ hội dễ nhất cho quan chức kiểm ăn.

Thứ tư là nên phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân. Cải cách doanh nghiệp quốc doanh là vấn đề không thể thành công dù trước mắt hay lâu dài. Quốc doanh sẽ còn là nguồn gốc làm băng hoại chất lượng và niềm tin vào chính quyền. Việt Nam trong vài năm nay được đánh giá là tham nhũng nhất thế giới, chỉ đứng trên hạng Indonesia. Thông tin hàng ngày cho thấy rất nhiều các công trình nhà nước, kể cả công trình trọng điểm, vừa bị ăn cắp, vừa thiếu chất lượng và ngày càng ở mức cao hơn. Công trình trọng điểm xây dựng Nhà Máy Lọc Dầu Dũng Quất được dư luận thế giới nhòm ngó vì được quyết định bởi các lý do ngoài kinh tế, thế nhưng vẫn không tránh khỏi tham nhũng mới đây. Do đó kinh tế Việt Nam chỉ có hy vọng phát triển vững mạnh nếu như kinh tế tư nhân phát triển vững mạnh, được bảo đảm cạnh tranh với các doanh nghiệp quốc doanh.

Và cuối cùng thứ năm là cần phát huy hoạt động kinh tế phục vụ nhu cầu nội địa của kinh tế trong nước. Điều này không có nghĩa là bảo vệ thị trường nhưng là không chỉ nhằm vào phục vụ hàng xuất khẩu. Kinh tế Việt Nam trong thời khủng hoảng tài chính Á châu năm 1997, đứng vững cũng vì sức tiêu và đầu tư ở trong nước. Việt Nam là một thị trường lớn đa dạng, chỗ khởi điểm thử thách. Nếu như hàng hóa cho nhu cầu trong nước không rẻ và không có chất lượng cao thì Việt Nam khó lòng thâm nhập vào thị trường nước ngoài, ngoài trừ làm gia công hàng cho nước ngoài như hiện nay. Công nghệ thông tin không chỉ nhằm gia công cho nước ngoài (dù có muốn chắc cũng không thể tìm ra thị trường) mà phải đặt trọng tâm phục vụ nhu cầu trong nước và tăng năng suất. Kinh nghiệm nước Úc cho thấy, họ không làm ra sản phẩm phần mềm nào đáng kể, cũng không sản xuất phần cứng, nhưng công nghệ thông tin đã giúp họ tạo sức cạnh tranh và tăng năng suất đáng kể. Úc là nước có có hiện tượng tăng năng suất lao động đáng kể từ công nghệ thông tin.

Tài liệu tham khảo:

1. IMF, World Economic Outlook, April 2003, www.imf.org
2. OECD, OECD Economic Outlook, No. 73, www.oecd.org
3. World Bank, Vietnam Banking Review, www.worldbank.org.vn
4. United Nations, National Accounts Statistics: Analysis of Main Aggregates, 2003.

6/1/2003